

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 327/2017/DS-PT
Ngày: 28-12-2017
V/v tranh chấp “Quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông (Bà):Phan Văn Huyện

Ông (Bà):Võ Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông
Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 đến 28 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2017/TLPT-DS ngày
31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2017/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của
Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2017/QĐPT-DS
ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lăng Thị B, sinh năm 1973.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lăng Thị B2, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 21/83 khu phố 1, Phường 4, thị xã L, tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 965/16/141 Quang Trung, Phường 14, quận V, Thành phố M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh A, sinh năm 1991.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Số 21/83 khu phố 1, Phường 4, thị xã L, tỉnh G.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Lăng Thị B, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp T, xã P,
huyện L, tỉnh G. Và bị đơn Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1954, địa chỉ: Số 21/83
khu phố 1, Phường 4, thị xã L, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* Nguyên đơn Lăng Thị B yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn
Thanh A trả lại cho bà phần đất lấn chiếm có diện tích 22,9m² thuộc phần đất thừa

số 302, có diện tích 1.710,7m², tờ bản đồ số 37 tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00414 ngày 16-6-2009; yêu cầu hộ bà H chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ hàng rào chắn lối đi có chiều ngang 02m, dài khoảng 39,85m (tức là từ đầu lộ đất bà H vô hết đất của bà); Trả lại đường nước ngang 02m, dài khoảng 12,5m (từ đầu lộ vô đến phần đất của bà).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lăng Thị B2 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị Kim H trả lại cho bà Lăng Thị B phần đất có diện tích 22,9m² (theo biên bản đo đạc ngày 16-4-2015); Buộc hộ bà H tháo dỡ hàng rào, mái che và cây trồng trên đất để trả lại đường đi công cộng có diện tích 127,2m² và tháo dỡ cổng rào để trả lại đường nước diện tích 25m² (theo bản đồ địa chính khu đất ngày 16-6-2017).

* Bị đơn Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Năm 2002 bà có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn N hai phần đất, thửa thứ nhất thuộc số 2516 có diện tích 1.591m², thửa thứ hai thuộc số 2517 có diện tích 3.030m² đều tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G. Giáp ranh giữa hai phần đất hướng Tây thuộc thửa số 2516 của bà H và phần đất hướng Đông thuộc thửa 302 của bà Võ Thị A đã chuyển nhượng cho bà Lăng Thị B là một bờ ranh chung. Khi bà nhận chuyển nhượng phần đất trên thì các chủ cũ (gồm ông N và bà A) đều thỏa thuận bờ ranh chung, mỗi người sử dụng một nửa. Đến khi nhận chuyển nhượng phần đất của bà A thì bà B trồng cây gòn và cây xương rồng hết phần ranh chung. Bờ ranh chung hiện vẫn còn nguyên hiện trạng, bà không có lần chiếm đất của bà B. Đối với đường nước là sử dụng chung không ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc bà làm cổng rào chắn phía trên là để bảo vệ vườn, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy của nước, hiện tại vẫn có 04 hộ sử dụng chung đường nước này. Riêng lối đi bà B yêu cầu mở cổng rào để trả lại, nó nằm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà và hiện tại không ai có nhu cầu sử dụng lối đi này nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà B. Bà yêu cầu bà B trả lại cho bà phân nửa bờ ranh dài 24,5m, đồng thời xác định đường nước cặp bờ ranh là thuộc phần đất của bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2017/DSST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L căn cứ vào Điều 5, Điều 35; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, 252, 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/YBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị B; Buộc hộ bà Nguyễn Thị Kim H trả lại cho bà Lăng Thị B phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 22,9m², nằm trong thửa đất số 302 có tổng diện tích 1.710,7m² tại ấp T, xã B P, huyện L, tỉnh G.

Phần đất diện tích 22,9m² có tứ cận như sau:

Hình thứ nhất:

Hướng Đông giáp đất hộ bà H có số đo 21,23m và giáp đất còn lại của bà B có số đo 6,07m.

Hướng Tây giáp đất còn lại của bà B có số đo 27,34m.

Hướng Nam giáp đất còn lại của bà B có số đo 0,92m.

Hướng Bắc giáp đất của bà Phạm Thị Á có số đo 0,57m.

Hình thứ hai:

Hướng Đông giáp đất hộ bà H có số đo 4,87m.

Hướng Tây giáp đất còn lại của bà B có số đo 6,07m.

Hướng Bắc giáp đất của bà Phạm Thị Á có số đo 0,2m.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị B, về việc yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị Kim H chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ hàng rào chắn để trả lại lối đi có diện tích 127,2m² và trả lại đường nước diện tích 25m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án.

Ngày 28/8/2017 nguyên đơn Lăng Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Kim H chấm dứt hành vi cản trở và tháo dỡ hàng rào chắn để trả lại cho bà lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài 39,85m và trả lại đường nước ngang 2m, dài khoảng 12,5m cùng tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G.

Ngày 25/8/2017, bị đơn Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lăng Thị B, về việc yêu cầu bà trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 22,9m², nằm trong thửa số 302, diện tích 1.710,7m² tại ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Lăng Thị B2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đường nước do bà Nguyễn Thị H2 (Hai A) mua của ông Nguyễn Văn B3, sau đó bán đất lại cho bà B nên đường nước thuộc quyền sử dụng của bà B, đối với đường đi đang tranh chấp, khi mua đất của bà H2 thì bà H2 cũng sử dụng đường đi này để đi ra lộ công cộng, các hộ phía sau đất của bà H cũng sử dụng lối đi này nên lối đi trên đất bà H là đường đi công cộng. Nay bà H rào lại không cho bà B và các hộ phía sau sử dụng nên yêu cầu bà H tháo dỡ hàng rào trả lại lối đi công cộng cho bà B và các hộ phía sau sử dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Phần bờ ranh giữa đất của bà B và đất của bà là bờ ranh chung nên mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ. Nên bà không đồng ý trả $\frac{1}{2}$ bờ ranh cho bà B.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lăng Thị B là không có cơ sở vì lối đi đang tranh chấp từ lộ vào đến phần đất của bà B nằm trong diện tích đất thửa 269 do bà Nguyễn Thị Kim H là chủ sử dụng đất. Bà B cho rằng lối đi này do bà B và các hộ phía sau đất của bà H sử dụng nhưng thực tế không có hộ nào sử dụng lối đi này. Do đó, xác định lối đi tranh chấp không phải là đường đi công cộng. Đối với đường nước ngang 2m, dài 12,5m từ lộ chạy dài đến hết phần đất của ông Huỳnh Hồng M, có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn B3 bán cho ông Huỳnh Văn N, Nguyễn Thị A, Nguyễn Hữu L nên xác định đây là đường nước thuộc quyền sử dụng chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lăng Thị B là không có cơ sở vì lối đi tranh chấp trên đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Kim H và hiện tại không có hộ dân nào sử dụng lối đi này nên không có cơ sở xác định là đường đi công cộng. Đối với đường nước bà B yêu cầu trả lại, theo xác nhận của các hộ Huỳnh Hồng M, thì đường nước này trước đây do ông Nguyễn Văn B3 bán cho ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị H2, ông Nguyễn Hữu L. Sau đó ông N bán đất cho bà H nên bà H tiếp tục sử dụng. Hiện nay đường nước vẫn giữ nguyên không thay đổi, các hộ cùng sử dụng chung đường nước gồm Huỳnh Hồng M, vẫn đang sử dụng đường nước. Do đó, yêu cầu của bà B không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H là không có cơ sở vì diện tích đất thửa 269 do bà H đứng tên quyền sử dụng đất khi đo đạc diện tích đất tăng so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà B.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lăng Thị B được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.710,7m² thuộc thửa 302 tờ bản đồ 37 liên kế phần đất của bà Bằng là phần đất do bà Nguyễn Thị Kim H là chủ sử dụng có diện tích 1.591m² thuộc thửa 2516 (nay là thửa 269). Phía bà B cho rằng trên phần đất thửa 269 có một lối đi cho các hộ dân phía sau đất của bà H cùng sử dụng làm lối đi ra lộ công cộng nhưng từ khi bà H nhận chuyển nhượng đất của ông Huỳnh Văn N thì bà H rào lối đi lại, không cho bà và các hộ phía sau sử dụng lối đi này nữa.

Xét thấy: Phần đường đi tranh chấp có diện tích 127,2m² nằm trong diện tích thửa 269 và một phần thửa 268 do bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U853290, số vào sổ cấp 04251/QSDD/2/54 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 28/5/2002. Phần đất của bà Lăng Thị B nằm phía trong phần đất của ông Huỳnh Hồng M và giáp ranh với đất của bà Nguyễn Thị Kim H, để đi ra lộ công cộng thì bà B phải đi ngang qua đất của bà H (trên đường đi đang tranh chấp). Phía bà B2 cho rằng trước đây khi ông Huỳnh Văn N chưa bán đất cho bà H thì ông N cho các hộ dân phía sau và bà Võ Thị H2 sử dụng lối đi trên đất ông N để đi ra lộ công cộng, lối đi này có 04 hộ cùng sử dụng gồm Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị L, Huỳnh Hồng M. Phía bà H thì cho rằng khi bà mua đất của ông Huỳnh Văn N thì không có lối đi và các hộ dân phía sau đất của bà H cũng không sử dụng lối đi trên đất của bà để đi ra lộ công cộng.

Xét thấy: Lối đi tranh chấp nằm trong thửa thuộc quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim H, bà H xác định phần đất này không phải là lối đi công cộng, hiện tại không còn ai đi trên phần đất này. Phía bà B không có chứng cứ chứng minh lối đi trên đất của bà H là lối đi công cộng. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 24/5/2017 ông Huỳnh Hồng M trình bày “đường đi mà nguyên đơn yêu cầu

trả lại vì cho rằng đây là đường đi công cộng, từ trước đến nay không có ai đi trên đường này”. Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn S (là con ruột của ông Huỳnh Văn N) cũng xác định không có đường đi công cộng trên phần đất của bà H. Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả lại đường nước:

Theo biên bản đo đạc ngày 14/6/2017 thể hiện đường nước tranh chấp có diện tích 25m² nằm trong thửa. Bà B2 cho rằng đường nước trên thuộc quyền sử dụng của bà vì bà H2 (là chủ đất cũ) đã mua đường nước này của ông Nguyễn Văn B, sau đó bà H2 bán đất lại cho bà B nên đường nước trên thuộc quyền sử dụng của bà Bằng. Phía bà H cho rằng đường nước tranh chấp, trước đây do ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị H2 và bà 6 T hùn mua đường nước của ông Nguyễn Văn B3 và cùng sử dụng chung. Sau đó ông N bán đất cho bà, bà chỉ làm cổng rào bảo vệ phía trên đường nước còn dòng chảy phía dưới đường nước hiện vẫn còn sử dụng chung cho các hộ.

Xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 21/2/2016 giải quyết tranh chấp đường nước giữa bà Lăng Thị B và bà Nguyễn Thị Kim H thể hiện ý kiến của ông Nguyễn Văn B3 xác định đường nước ông bán cho 03 hộ Huỳnh Văn N, Võ Thị H2, Trần Thị V. Ý kiến ông Huỳnh Văn N, ông Nguyễn Văn L đều thống nhất xác định đường nước tranh chấp do ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị H2 và bà 6 T hùn mua để sử dụng chung nên đường nước này là của tập thể.

Tại giấy xác nhận ngày 07/12/2015 bà Võ Thị H2 (thường gọi là Hai A) cũng xác định bà có hùn mua đường nước với ông Huỳnh Văn N ngang 1m dài 12,5m thuộc đất của ông Nguyễn Văn B3.

Phía bà B2 thừa nhận hiện đường nước vẫn còn sử dụng chung. Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định đường tranh chấp thuộc quyền sử dụng chung của tập thể nên yêu cầu kháng cáo của bà Bằng yêu cầu trả lại đường nước là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H không đồng ý trả diện tích 22,9m² thuộc thửa cho bà Lăng Thị B thấy rằng:

- Về diện tích đất thực tế hai bên đang sử dụng: Theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thực hiện (phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp) thì hiện nay bà B sử dụng 1.687,8m², bà H sử dụng 1.776,9m², phần tranh chấp 22,9m².

- Về ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên: Bà B2 và bà H đều khai thống nhất giữa hai phần đất có 01 bờ ranh để xác định ranh chung. Phía bà B cho rằng toàn bộ bờ ranh này thuộc quyền sử dụng của bà, còn phía bà H thì xác định mỗi bên được sử dụng ½ bờ ranh.

Ấn sơ thẩm nhận định do diện tích đất của bà B giảm 22,9m², còn diện tích đất của bà H thuộc thửa 269 tăng 185,9m² so với diện tích được cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là chưa có cơ sở vì:

Các bên đương sự đều khai thống nhất giữa hai phần đất có bờ ranh (phần tranh chấp) kế bờ ranh có đường nước thuộc quyền sử dụng của bà H (đường nước

này do ông Huỳnh Văn N đào) hiện nay đường nước đã bị lấp do bà H đặt ống bọng phía dưới nên lấp lại. Bà B2 cũng thừa nhận đường nước đã bị lấp thuộc quyền sử dụng đất của bà H, và không tranh chấp đường nước này. Lời thừa nhận của bà B2 có cơ sở xác định bờ ranh tranh chấp là ranh giới giữa hai phần đất.

Căn cứ giấy xác nhận ngày 12/01/2016 của bà Võ Thị H2 (thường gọi là Hai A) có nội dung “ Vào cuối năm 2002 tôi có bán cho Lãng Thị B2 một thửa đất có cạnh phía Đông giáp đất của Nguyễn Thị Kim H... Hai chủ giáp nhau là một cái bờ ranh, mỗi bên một nửa, 05 cây dầu gió, 01 cây chuối nằm ở nửa bờ của Kim H”. Tại biên bản thẩm định ngày 08/5/2017 trên phần đất tranh chấp có 05 cây Tràm, và phía bà B2 cho rằng cây trồng trên bờ ranh tự mọc, bà H xác định cây do bà trồng. Như vậy, xác nhận của bà Võ Thị H2 phù hợp với biên bản thẩm định, phù hợp với lời trình bày của bà H trên đất có cây trồng (do bà H trồng) thuộc bờ ranh của bà H. Đồng thời, tại xác nhận của anh Lê Xuân N, bà Huỳnh Thị L là những người thuê đất của bà H đều xác định bờ ranh giữa hai phần đất vẫn còn giữ nguyên. Do đó, có cơ sở xác định $\frac{1}{2}$ bờ ranh đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Hân .

Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận, yêu cầu kháng cáo của bị đơn có căn cứ nên được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lãng Thị B về việc yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị Kim H tháo dỡ hàng rào chắn trả lại lối đi có diện tích 127,2m² và trả lại đường nước diện tích 25m².

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H. Sửa bản án sơ thẩm số 77/2017/DSST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lãng Thị B đối với bà Nguyễn Thị Kim H về việc buộc hộ bà Nguyễn Thị Kim H trả phần diện tích 22,9m² nằm trong thửa 302 có tổng diện tích 1.710,7m² tọa lạc ấp T, xã P, huyện L, tỉnh G.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lãng Thị B đối với bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu bà Hân tháo dỡ hàng rào chắn để trả lại lối đi có diện tích 127,2m² trong thửa 269, một phần thửa 268 và đường nước có diện tích 25m² trong thửa 268.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện tháo dỡ công rào có chiều ngang 1,2m, chiều cao 2m nằm trên đường nước.

Án phí: Bà Lãng Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà B đã nộp 500.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, sơ thẩm theo biên lai thu số 14663 ngày 28/8/2017; Biên lai số 0010960

ngày 03/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L nên xem như nộp xong án phí.

Bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14657 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Án tuyên lúc 8 giờ 30 phút ngày 28/12/2017 có mặt đại diện Viện kiểm sát, bà Bảnh, bà Hân và anh An./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh G;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Huyện

Võ Trung Hiếu

Nguyễn Thị Diệp Thúy

